

Chủ đề 5 - Khối đa diện - Mức độ nhận biết - File word có lời giải.docx

Thời gian làm bài: 40 phút (Không kể thời gian giao đề)

Họ tên thí sinh:

Số báo danh:

Câu 1. Hình lăng trụ tam giác có tất cả bao nhiêu cạnh?

A. 12.

B. 10.

C. 6.

***D. 9.**

Lời giải

Lăng trụ tam giác có 9 cạnh.

Câu 2. Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy $ABCD$ là hình vuông cạnh a , SA vuông góc với mặt phẳng $(ABCD)$, $SA = 3a$. Tính thể tích khối chóp $S.ABCD$

A. $3a^3$.

B. $\frac{a^3}{9}$.

C. $\frac{a^3}{3}$.

***D. a^3 .**

Lời giải

Diện tích đáy: $S_{ABCD} = a^2$.

Thể tích khối chóp $S.ABCD$ là: $V = \frac{1}{3}a^2 \cdot 3a = a^3$.

Câu 3. Cho hình chóp có đáy là hình vuông cạnh a và chiều cao bằng $4a$. Thể tích khối chóp đã cho bằng

***A. $\frac{4}{3}a^3$.**

B. $16a^3$.

C. $4a^3$.

D. $\frac{16}{3}a^3$.

Lời giải

Ta có $B = a^2, h = 4a \Rightarrow V = \frac{1}{3}Bh = \frac{1}{3}a^2 \cdot 4a = \frac{4}{3}a^3$.

Câu 4. Cho khối chóp có diện tích đáy $B = 3$ và thể tích bằng 6. Chiều cao của khối chóp bằng

A. 6.

***B. 2.**

C. 3.

D. 12.

Lời giải

Ta có thể tích khối chóp $V = B \cdot h \Rightarrow h = \frac{V}{B} = \frac{6}{3} = 2$.

Câu 5. Cho khối hộp chữ nhật có ba kích thước $2; 4; 6$. Thể tích của khối hộp đã cho bằng

***A. 8.**

B. 16.

C. 48.

D. 12.

Lời giải

Thể tích của khối hộp đã cho là $V = 2 \cdot 4 \cdot 6 = 48$.

Câu 6. Cho khối chóp có đáy là tam giác đều cạnh a và chiều cao bằng $a\sqrt{3}$. Thể tích V của khối chóp bằng

A. $V = \frac{a^3}{2}$.

B. $V = a^3$.

C. $V = \frac{3a^3}{4}$.

***D. $V = \frac{a^3}{4}$.**

Lời giải

Diện tích đáy bằng $B = S_{\triangle ABC} = \frac{1}{2}AB \cdot AC \cdot \sin A = \frac{1}{2}a \cdot a \cdot \sin 60^\circ = \frac{a^2\sqrt{3}}{4}$.

Thể tích khối chóp là $V = \frac{1}{3}Bh = \frac{1}{3} \cdot \frac{a^2\sqrt{3}}{4} \cdot a\sqrt{3} = \frac{a^3}{4}$.

Câu 7. Hình chóp $S.ABC$ có chiều cao $h=a$, diện tích tam giác ABC là $3a^2$. Tính thể tích khối chóp $S.ABC$.

A. $\frac{a^3}{2}$.

*B. a^3 .

C. $3a^3$.

D. $\frac{3}{2}a^3$.

Lời giải

$$V = \frac{1}{3}B.h = \frac{1}{3}.3a^2.a = a^3.$$

Ta có:

Câu 8. Chiều cao của khối lăng trụ có thể tích bằng $V=12$, diện tích đáy $B=4$ là

A. 8.

B. 9.

C. 1.

*D. 3.

Lời giải

$$V = B.h \Rightarrow h = \frac{V}{B} = \frac{12}{4} = 3$$

Ta có:

Câu 9. Thể tích khối hộp chữ nhật có ba kích thước lần lượt a, b, c là

A. $V = a^3bc$.

B. $V = \frac{1}{3}abc$.

*C. $V = abc$.

D. $V = \frac{1}{2}abc$.

Lời giải

Thể tích khối hộp chữ nhật có ba kích thước lần lượt a, b, c là $V = abc$.

Câu 10. Cho hình lăng trụ đều $ABC.A'B'C'$ có cạnh đáy bằng a và cạnh bên bằng $2a$. Thể tích của khối lăng trụ đã cho là

A. $\frac{a^3\sqrt{3}}{4}$.

B. $\frac{a^3\sqrt{3}}{6}$.

C. $\frac{a^3\sqrt{3}}{3}$.

*D. $\frac{a^3\sqrt{3}}{2}$.

Lời giải

$$V = B.h = \frac{a^2\sqrt{3}}{4}.2a = \frac{a^3\sqrt{3}}{2}$$

Thể tích khối lăng trụ đã cho là

Câu 11. Một hình hộp chữ nhật có ba kích thước là $a, 2a$ và $3a$. Thể tích của khối hộp chữ nhật đó bằng

A. a^3 .

B. $3a^3$.

C. $2a^3$.

*D. $6a^3$.

Lời giải

Thể tích khối hộp chữ nhật là: $V = 6a^3$.

Câu 12. Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy $ABCD$ là hình vuông cạnh a , $SA = 3a\sqrt{2}$ và SA vuông góc với $(ABCD)$. Thể tích của khối chóp $S.ABCD$ bằng

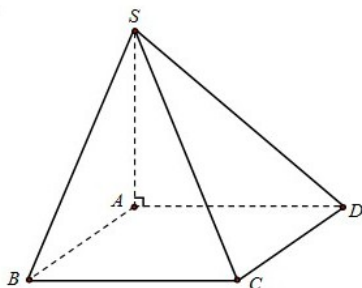
A. $\frac{a^3\sqrt{2}}{2}$.

*B. $a^3\sqrt{2}$.

C. $3a^3\sqrt{2}$.

D. $\frac{4a^3\sqrt{3}}{3}$.

Lời giải

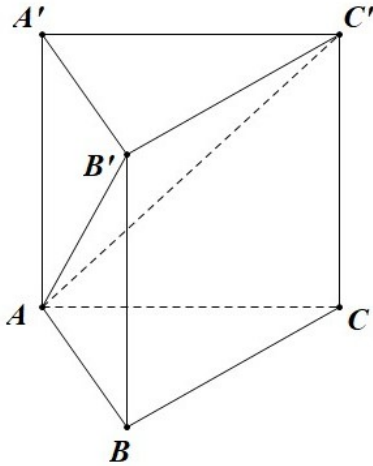


Thể tích khối chóp $V_{S.ABCD} = \frac{1}{3} S_{ABCD} \cdot SA = \frac{1}{3} \cdot a^2 \cdot 3a\sqrt{2} = a^3\sqrt{2}$.

Câu 13. Mặt phẳng $(AB'C')$ chia khối lăng trụ $ABC.A'B'C'$ thành các khối đa diện nào?

- A. Hai khối chóp tam giác.
- B. Một khối chóp tam giác và một khối chóp ngũ giác.
- *C. Một khối chóp tam giác và một khối chóp tứ giác.
- D. Hai khối chóp tứ giác.

Lời giải



Mặt phẳng $(AB'C')$ chia khối lăng trụ thành hai khối đó là chóp tam giác $A.A'B'C'$ và chóp tứ giác $A.B'C'CB$.

Câu 14. Hình nào trong các hình sau không phải là hình đa diện?

- A. Hình lăng trụ.
- B. Hình lập phương.
- *C. Hình vuông.
- D. Hình chóp.

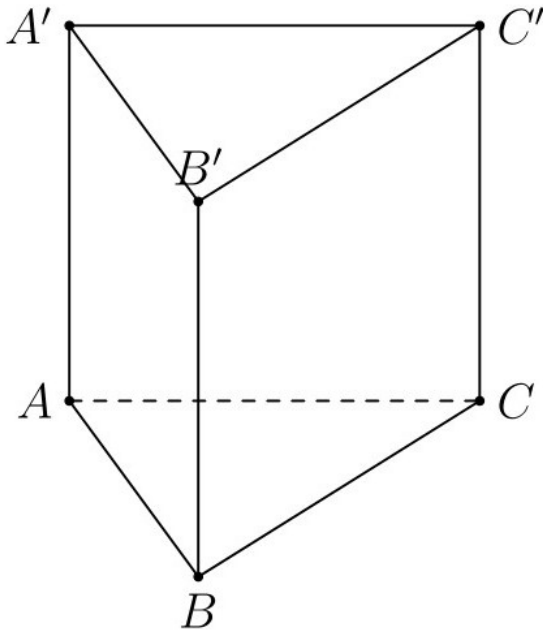
Lời giải

- Dựa vào định nghĩa: Khối đa diện được giới hạn hữu hạn bởi đa giác thoả mãn điều kiện:
- Hai đa giác bất kì không có điểm chung, hoặc có 1 điểm chung hoặc có chung 1 cạnh.
- Mỗi cạnh của đa giác là cạnh chung của đúng 2 đa giác.

Câu 15. Cho khối lăng trụ tam giác đều có cạnh đáy bằng $2a$, cạnh bên bằng a . Thể tích của khối lăng trụ đã cho bằng

- *A. $\frac{a^3\sqrt{3}}{2}$.
- B. $\frac{a^3\sqrt{3}}{3}$.
- C. $\frac{a^3\sqrt{3}}{12}$.
- D. $a^3\sqrt{3}$.

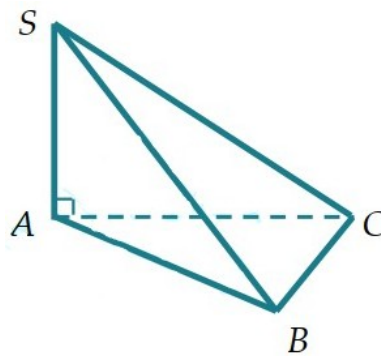
Lời giải



Trong $\triangle ABC$ ta có $S_{ABC} = \frac{AB^2 \sqrt{3}}{4} = \frac{a^2 \sqrt{3}}{4}$.

Vậy thể tích khối lăng trụ tam giác đều là $V_{ABC.A'B'C'} = AA' \cdot S_{ABC} = 2a \cdot \frac{a^2 \sqrt{3}}{4} = \frac{a^3 \sqrt{3}}{2}$.

Câu 16. Cho hình chóp $S.ABC$ có tam giác ABC vuông tại A . $AB = 2a; AC = a; SA = 3a; SA \perp (ABC)$. Thể tích của hình chóp là



- A. $V = 3a^3$. B. $V = 6a^3$. C. $V = 2a^3$. *D. $V = a^3$.

Lời giải

Thể tích khối chóp $V_{S.ABC} = \frac{1}{3} S_{\triangle ABC} \cdot SA = \frac{1}{3} \cdot \frac{1}{2} \cdot AB \cdot AC \cdot SA = \frac{1}{6} \cdot 2a \cdot a \cdot 3a = a^3$.

Câu 17. Tính thể tích V của khối chóp có chiều cao bằng 5 cm và diện tích đáy bằng 12 cm^2 .

- A. $V = 60\text{ cm}^3$. *B. $V = 20\text{ cm}^3$. C. $V = 30\text{ cm}^3$. D. $V = 40\text{ cm}^3$.

Lời giải

$$V = \frac{1}{3} Bh = \frac{1}{3} \cdot 5 \cdot 12 = 20 (\text{cm}^3)$$

Thể tích của khối chóp cần tìm là:

Câu 18. Có bao nhiêu khối đa diện đều?

- *A. 5. B. 4 C. 6 D. 3

Lời giải

Có 5 khối đa diện đều.

Câu 19. Cho hình hộp chữ nhật có đáy là hình vuông cạnh a , chiều cao bằng $2a$. Tính thể tích hình hộp

chữ nhật.

- *A. $2a^3$. B. $6a^3$. C. $\frac{2a^3}{3}$. D. $2a^2$.

Lời giải

Thể tích hình hộp chữ nhật là $V = B.h = a^2.2a = 2a^3$.

Câu 20. Cho khối lăng trụ có diện tích đáy là 8 , chiều cao là 6 . Tính thể tích khối lăng trụ

- A. 16 . B. 36 . *C. 48 . D. 24 .

Lời giải

$$V = B.h = 6.8 = 48.$$

Câu 21. Cho khối lăng trụ tam giác đều có tất cả các cạnh bằng a . Thể tích của khối lăng trụ đã cho bằng

- A. $\frac{a^3\sqrt{2}}{3}$. *B. $\frac{a^3\sqrt{3}}{4}$. C. $\frac{a^2\sqrt{3}}{4}$. D. a^3 .

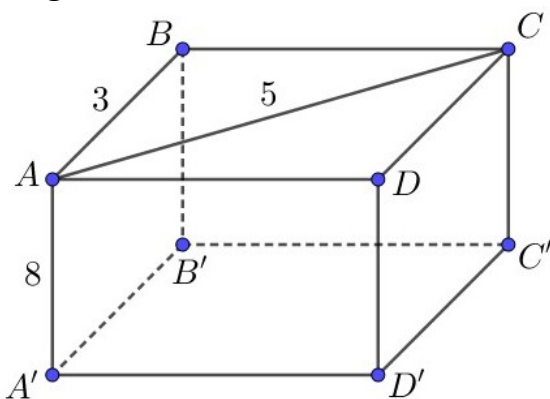
Lời giải

Ta có diện tích đáy $B = \frac{a^2\sqrt{3}}{4}$. Suy ra thể tích khối lăng trụ là $V = B.h = \frac{a^2\sqrt{3}}{4}.a = \frac{a^3\sqrt{3}}{4}$.

Câu 22. Cho khối hộp chữ nhật $ABCD.A'B'C'D'$ có $AB = 3$, $AC = 5$, $AA' = 8$. Thể tích của khối hộp đã cho bằng

- A. 120 . B. 32 . *C. 96 . D. 60 .

Lời giải



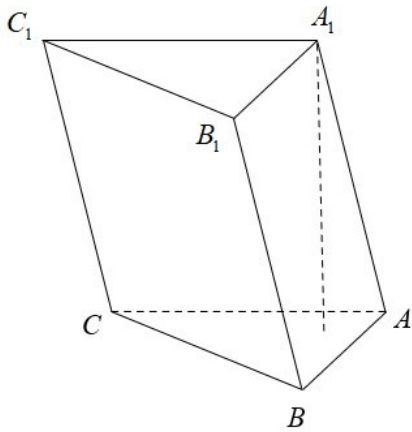
Áp dụng định lý Pytago cho tam giác vuông ABC , ta có $BC = \sqrt{5^2 - 3^2} = 4$.

Khi đó, thể tích của khối hộp chữ nhật là $V = AB.BC.AA' = 3.4.8 = 96$.

Câu 23. Cho khối lăng trụ có thể tích bằng 18 , thể tích khối chóp bằng

- *A. B. C. D.

Lời giải

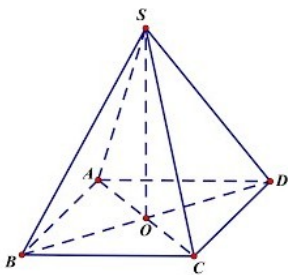


• Ta có:

Câu 24. Cho khối chóp tứ giác đều có cạnh đáy bằng a và cạnh bên bằng a . Thể tích khối chóp bằng

- A. $\frac{a^3\sqrt{2}}{6}$ B. $\frac{a^3\sqrt{3}}{6}$ *C. $\frac{a^3\sqrt{6}}{6}$ D. $\frac{a^3\sqrt{2}}{3}$

Lời giải



• Áp dụng công thức:

• Đáy là hình vuông nên: $AC \perp BD$;

• $SO \perp$ mặt phẳng đáy.

Câu 25. Thể tích V của khối chóp có diện tích đáy bằng $6a^2$ và chiều cao bằng a là

- A. $V = 12a^3$ B. $V = 6a^3$ C. $V = 18a^3$ *D. $V = 2a^3$

Lời giải

Thể tích của khối chóp cần tìm là $V = \frac{1}{3}Sh = \frac{1}{3} \cdot 6a^2 \cdot a = 2a^3$.

Câu 26. Cho khối hộp chữ nhật $ABCD.A'B'C'D'$ có ba kích thước $AB = a, AD = 2a, AA' = 3a$. Tính thể tích của khối tứ diện $A'.ABC$.

- A. $V = 6a^3$ *B. $V = 3a^3$ C. $V = a^3$ D. $V = 2a^3$

Lời giải

• Số phức z có phần ảo là: -3 .

Câu 27. Cho một khối chóp có diện tích đáy $B = 6a^2$, chiều cao $h = 3a$. Thể tích khối chóp đã cho bằng

*A. $6a^3$.

B. $18a^3$.

C. $9a^3$.

D. $54a^3$.

Lời giải

Thể tích khối chóp đã cho là $V = \frac{1}{3}Bh = \frac{1}{3}6a^2 \cdot 3a = 6a^3$.

Câu 28. Số cạnh của hình bát diện đều là

A. 8.

*B. 12.

C. 10.

D. 20.

Câu 29. Cho khối lăng trụ có diện tích đáy $B = 8$ và chiều cao $h = 6$. Thể tích của khối lăng trụ đã cho bằng:

*A. 48.

B. 16.

C. 24.

D. 14.

Lời giải

Thể tích của khối lăng trụ đã cho là: $V = B \cdot h = 8 \cdot 6 = 48$.

Câu 30. Thể tích của khối chóp có diện tích đáy B , chiều cao h là

A. $B \cdot h$.

B. $\frac{1}{2}B \cdot h$.

*C. $\frac{1}{3}B \cdot h$.

D. $\frac{4}{3}B \cdot h$.

Lời giải

Thể tích của khối chóp có diện tích đáy B , chiều cao h là $\frac{1}{3}B \cdot h$.

Câu 31. Cho khối chóp có chiều cao $h = 3$ và diện tích đáy $B = 2$. Thể tích của khối chóp đã cho bằng

*A. 2.

B. 3.

C. 12.

D. 6.

Lời giải

Thể tích của khối chóp là: $V = \frac{1}{3}Bh = \frac{1}{3} \cdot 2 \cdot 3 = 2$.

Câu 32. Tính thể tích V của khối lập phương $ABCD.A'B'C'D'$ biết $AC' = a\sqrt{3}$.

*A. $V = a^3$.

B. $V = \frac{a^3}{4}$.

C. $V = \frac{3\sqrt{6}a^3}{4}$.

D. $V = 3\sqrt{3}a^3$.

Lời giải

Ta có $AC' = a\sqrt{3} \Leftrightarrow AB \cdot \sqrt{3} = a\sqrt{3} \Rightarrow AB = a \Rightarrow V = a^3$.

Câu 33. Cho khối chóp có diện tích đáy $B = 6$ và chiều cao $h = 10$. Thể tích của khối chóp đã cho bằng

A. 6.

B. 24.

C. 10.

*D. 20.

Lời giải

Thể tích của khối chóp là $V = \frac{1}{3}Bh = \frac{1}{3} \cdot 6 \cdot 10 = 20$.

Câu 34. Thể tích của khối lăng trụ có diện tích đáy bằng B và chiều cao bằng h là:

*A. $V = Bh$.

B. $V = \frac{1}{3}Bh$.

C. $V = \frac{1}{2}Bh$.

D. $V = \frac{4}{3}Bh$.

Lời giải

Thể tích khối lăng trụ đã cho là $V = Bh$.

Câu 35. Cho khối chóp $S.ABCD$ có đáy $ABCD$ là hình vuông cạnh a , $SA = 3a$ và SA vuông góc với mặt phẳng đáy. Thể tích của khối chóp $S.ABCD$ là

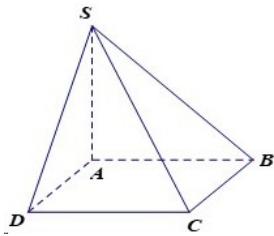
A. $3a^3$.

*B. a^3 .

C. $\frac{a^3}{3}$.

D. $6a^3$.

Lời giải



• Ta có $SA \perp (ABCD) \Rightarrow SA$ là đường cao của hình chóp.

• Thể tích khối chóp $S.ABCD$ là: $V = \frac{1}{3} SA S_{ABCD} = \frac{1}{3} \cdot 3a \cdot a^2 = a^3$.

Câu 36. Trong tất cả các loại hình đa diện đều sau đây, hình nào có số mặt nhiều nhất?

- A. Loại $\{3;4\}$. *B. Loại $\{3;5\}$. C. Loại $\{4;3\}$. D. Loại $\{5;3\}$.

Lời giải

Hình có số mặt nhiều nhất là hình đa diện loại $\{3;5\}$ (20 mặt).

Câu 37. Cho khối lăng trụ tam giác đều có độ dài tất cả các cạnh bằng 3 . Thể tích khối lăng trụ đã cho bằng

- A. $\frac{9\sqrt{3}}{4}$. *B. $\frac{27\sqrt{3}}{4}$. C. $\frac{27\sqrt{3}}{2}$. D. $\frac{9\sqrt{3}}{2}$.

Lời giải

Thể tích khối lăng trụ tam giác cạnh bằng 3 là: $V = \frac{3^2 \sqrt{3}}{4} \cdot 3 = \frac{27\sqrt{3}}{4}$.

Câu 38. Thể tích của khối lập phương cạnh a bằng

- A. a^2 . *B. a^3 . C. a^4 . D. a^5 .

Lời giải

Thể tích của khối lập phương cạnh a là a^3 .

Câu 39. Thể tích khối lập phương có cạnh $2\sqrt{3}$ bằng

- *A. $24\sqrt{3}$. B. $54\sqrt{2}$. C. 8 . D. $18\sqrt{2}$.

Lời giải

Thể tích khối lập phương có cạnh $2\sqrt{3}$ là $V = (2\sqrt{3})^3 = 24\sqrt{3}$ (đvtt).

Câu 40. Cho khối lăng trụ có diện tích đáy $B = 5$ và chiều cao $h = 6$. Thể tích của khối lăng trụ đã cho bằng

- A. 15 . *B. 30 . C. 150 . D. 10 .

Lời giải

Thể tích của khối lăng trụ đã cho là: $V = B \cdot h = 5 \cdot 6 = 30$.

Câu 41. Cho khối lăng trụ có diện tích đáy $S = 6$ và chiều cao $h = 10$. Thể tích khối lăng trụ đã cho bằng

- A. 20 . B. 40 . C. 30 . *D. 60 .

Lời giải

Thể tích khối lăng trụ đã cho bằng $V = S \cdot h = 6 \cdot 10 = 60$.

Câu 42. Một khối lăng trụ có diện tích đáy bằng 6 và chiều cao bằng 5 . Thể tích khối lăng trụ đã cho bằng:

- A. 90 . *B. 30 . C. 10 . D. 15 .

Lời giải

Ta có thể tích khối lăng trụ đã cho là: $V = 6 \times 5 = 30$

Do đó chọn phương án **B**.

Câu 43. Cho khối chóp $S.ABCD$ có đáy $ABCD$ là hình vuông cạnh a , $SA = 3a$ và SA vuông góc với đáy. Thể tích khối chóp $S.ABCD$ là

- A. $3a^3$. *B. a^3 . C. $\frac{a^3}{3}$. D. $6a^3$.

Lời giải

$$V_{S.ABCD} = \frac{1}{3} Bh = \frac{1}{3} a^2 \cdot 3a = a^3.$$

Câu 44. Thể tích của khối lăng trụ có chiều cao bằng h và diện tích đáy bằng B là

- A. $\frac{1}{3} Bh$. B. $\frac{1}{6} Bh$. *C. Bh . D. $3Bh$.

Lời giải

Thể tích khối lăng trụ là $V = Bh$

Vậy ta chọn phương án C.

Câu 45. Khối lăng trụ có diện tích đáy là S , chiều cao h có thể tích V là

- A. $V = Sh^2$ B. $V = \frac{1}{2} Sh$ *C. $V = Sh$ D. $V = \frac{1}{3} Sh$

Lời giải

Ta có $V = Sh$

Câu 46. Khối đa diện đều loại $\{5;3\}$ có tên gọi là

- A. Khối bát diện đều. *B. Khối mười hai mặt đều.
C. Khối hai mươi mặt đều. D. Khối lập phương.

Lời giải

Khối đa diện đều loại $\{5;3\}$ có tên gọi là khối mười hai mặt đều.

Câu 47. Thể tích khối lăng trụ được tính theo công thức nào sau đây?

- A. $V = \frac{1}{3} B.h$ *B. $V = B.h$ C. $V = \frac{1}{2} B.h$ D. $V = \frac{1}{6} B.h$

Câu 48. Cho hình chóp $S.ABC$ có đáy là tam giác, diện tích đáy bằng $a^2\sqrt{3}$ và thể tích bằng a^3 . Tính chiều cao h của hình chóp đã cho.

- A. $h = \frac{\sqrt{3}a}{6}$ B. $h = \frac{\sqrt{3}a}{2}$ *C. $\sqrt{3}a$ D. $\frac{\sqrt{3}a}{3}$

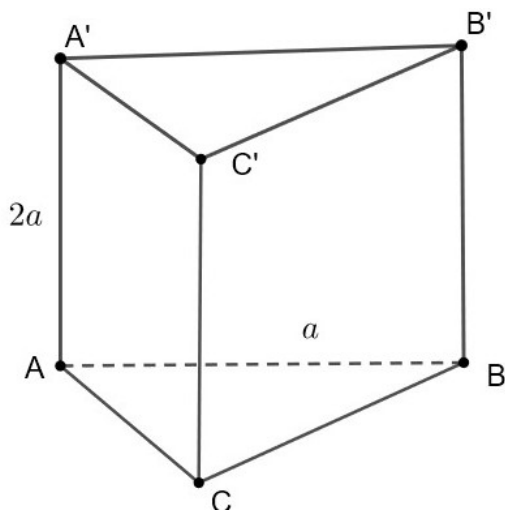
Lời giải

Ta có: $V = \frac{1}{3} h \cdot S_{DABC}$ $\Rightarrow h = \frac{3V}{S_{DABC}} = \frac{3a^3}{a^2\sqrt{3}} = \sqrt{3}a$

Câu 49. Thể tích V của khối lăng trụ tam giác đều có cạnh đáy bằng a và cạnh bên bằng $2a$ là

- A. $V = \frac{a^3\sqrt{3}}{3}$ *B. $V = \frac{a^3\sqrt{3}}{2}$ C. $V = a^3\sqrt{3}$ D. $V = \frac{a^3\sqrt{3}}{4}$

Lời giải



Ta có: Diện tích đáy $S_{ABC} = \frac{a^2 \sqrt{3}}{4}$

Suy ra: $V = AA' \cdot S_{ABC} = 2a \cdot \frac{a^2 \sqrt{3}}{4} = \frac{a^3 \sqrt{3}}{2}$

Câu 50. Cho hình chóp $S.ABCD$ có $SA \perp (SBCD)$ và $SA = 2a$, diện tích tứ giác là $ABCD$ bằng $3a^2$. Thể tích khối chóp $S.ABCD$ bằng

- *A. $2a^3$. B. $6a^2$. C. $6a^3$. D. $2a^2$.

Lời giải

Ta có: $V_{S.ABCD} = \frac{1}{3} \cdot S_{ABCD} \cdot SA = \frac{1}{3} \cdot 3a^2 \cdot 2a = 2a^3$.

Câu 51. Tính thể tích của một khối lăng trụ biết khối lăng trụ đó có đường cao bằng $3a$, diện tích mặt đáy bằng $4a^2$.

- A. $4a^3$. B. $4a^2$. *C. $12a^3$. D. $12a^2$.

Lời giải

Gọi S là diện tích mặt đáy, h là độ dài đường cao của khối trụ đã cho.

Khi đó thể tích của khối lăng trụ đã cho là $V = S \cdot h = 4a^2 \cdot 3a = 12a^3$.

Câu 52. Tính thể tích V của khối chóp có diện tích đáy bằng 12 và chiều cao bằng 4 là

- A. $V = 8$. B. $V = 48$. C. $V = 24$. *D. $V = 16$.

Lời giải

Ta có $V = \frac{1}{3} \cdot 12 \cdot 4 = 16$.

Câu 53. Tính thể tích V của khối lập phương $ABCD.A'B'C'D'$ có cạnh $AB = a$.

- A. $V = \frac{a^3}{6}$. B. $V = \frac{a^3}{3}$. C. $V = \frac{a^3}{2}$. *D. $V = a^3$.

Lời giải

Ta có: $V = Bh = a^2 \cdot a = a^3$.

Câu 54. Khối đa diện đều loại $\{4;3\}$ có bao nhiêu đỉnh?

- A. 6. B. 4. *C. 8. D. 12.

Lời giải

Khối đa diện đều loại $\{4;3\}$ là lập phương nên có 8 đỉnh.

Câu 55. Một khối lăng trụ có diện tích đáy bằng 3 và chiều cao bằng 4 . Thể tích của khối lăng trụ đó bằng
 A. 4 . *B. 12 . C. 36 . D. 6 .

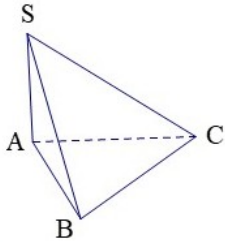
Lời giải

$$V = S.h = 3.4 = 12$$

Câu 56. Cho khối chóp $S.ABC$ có $SA = 3a$ và SA vuông góc với mặt phẳng (ABC) , tam giác ABC vuông tại A và có $AB = 3a, AC = 4a$. Tính thể tích của khối chóp $S.ABC$ bằng

- A. $18a^3$. *B. $6a^3$. C. $36a^3$. D. $2a^3$.

Lời giải



$$V = \frac{1}{3} B.h = \frac{1}{3} \cdot \frac{1}{2} \cdot 3a \cdot 4a \cdot 3a = 6a^3$$

Câu 57. Một khối lăng trụ có chiều cao bằng 6 và diện tích đáy bằng $2\sqrt{14}$. Thể tích của khối lăng trụ đó bằng
 A. $2\sqrt{14}$. B. $4\sqrt{14}$. C. $6\sqrt{14}$. *D. $12\sqrt{14}$.

Lời giải

Thể tích của khối lăng trụ $V = Bh = 2\sqrt{14} \cdot 6 = 12\sqrt{14}$ (đvtt)
 ----HẾT----

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com
<https://www.vnteach.com>